ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14 /2023/QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 21 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 6 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý tài chính Nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1683/TTr-SKHĐT ngày 01 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 và thay thế Quyết định số 2865/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế quản lý và sử dụng các nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cao Bằng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, Ngoại giao, Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban công tác về các TCPCPNN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Liên hiệp các TCHN tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CVNCTH, Trung tâm thông tin, Trung tâm PVHCC;
- Báo CB, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Trịnh Trường Huy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2023/QĐ-UBND ngày 21 / 6 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam hoạt động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nhằm mục đích hỗ trợ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức *(sau đây gọi tắt là viện trợ)* thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành pháp luật Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Bên tiếp nhận viện trợ là các cơ quan, tổ chức Việt Nam được thành lập theo pháp luật Việt Nam và đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ tiếp nhận được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

Nguyên tắc quản lý và sử dụng viện trợ theo Quy chế này thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 4. Hành vi bị nghiêm cấm trong sử dụng viện trợ

Các hành vi bị nghiêm cấm trong sử dụng viện trợ theo Quy chế này thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương II
CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG, TRAO ĐỔI, KÝ KẾT, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 5. Công tác vận động viện trợ

1. Việc vận động và tiếp nhận các khoản viện trợ phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và định hướng của tỉnh Cao Bằng, phù hợp với nhu cầu, kế hoạch phát triển của từng ngành, từng địa phương trong tỉnh, định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn.

2. Định kỳ trước ngày 10 tháng 11 hằng năm, các cơ quan, tổ chức tại khoản 3 Điều 2 Quy chế này trên cơ sở xem xét nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương trong năm tiếp theo, gửi đề xuất danh mục chương trình, dự án cần kêu gọi viện trợ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp. Căn cứ vào danh mục chương trình, dự án đề xuất của các đơn vị và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các đơn vị khác có liên quan hoàn chỉnh danh mục chương trình, dự án thu hút, vận động viện trợ năm tiếp theo trình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(sau đây gọi là UBND tỉnh)* trước ngày 05 tháng 12 hằng năm.

3. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Cao Bằng và các cơ quan liên quan tìm kiếm, vận động các nguồn viện trợ và mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Cao Bằng với các cơ quan, tổ chức nước ngoài.

4. Đối với các khoản Viện trợ quốc tế khẩn cấp của Chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân nước ngoài để cứu trợ được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 03 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai và viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 09 tháng kể từ khi thiên tai xảy ra thì việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 6. Trao đổi, ký kết khoản viện trợ

1. Đối với bên cung cấp viện trợ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP có yêu cầu thực hiện ký kết văn bản thỏa thuận trước khi thực hiện trao đổi, đàm phán về việc thực hiện khoản viện trợ thì bên tiếp nhận viện trợ thực hiện theo quy định tại Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Văn kiện chương trình, dự án, phi dự án chỉ được ký kết khi khoản viện trợ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Các cơ quan, tổ chức, địa phương trong tỉnh căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lĩnh vực quản lý được giao, chủ trì hoặc phối hợp trong việc tăng cường kết nối, vận động, trao đổi, ký kết khoản viện trợ đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo UBND tỉnh xem xét, đồng ý trước khi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu đến địa phương khảo sát, làm việc liên quan đến việc cung cấp viện trợ cho tỉnh Cao Bằng;

b) Việc cung cấp thông tin, tài liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải đảm bảo theo đúng quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước. Không cung cấp thông tin không liên quan đến việc xây dựng kế hoạch và thực hiện các khoản viện trợ;

c) Sau 05 ngày kể từ ngày các cơ quan, tổ chức kết thúc làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải báo cáo UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh về các nội dung thông tin, tài liệu đã được hai bên trao đổi và thống nhất liên quan đến khoản viện trợ.

Điều 7. Lập hồ sơ, thẩm định khoản viện trợ

1. Lập hồ sơ khoản viện trợ

a) Chủ khoản viện trợ phối hợp với Bên cung cấp viện trợ hoàn thiện nội dung theo danh mục hồ sơ quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP. Nội dung văn kiện khoản viện trợ phải được xây dựng chặt chẽ, chi tiết theo mẫu tại Phụ lục I, II, III kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

b) Đối với các khoản viện trợ có nội dung đầu tư công, ngoài thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP thì phải được xây dựng theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

c) Đối với các khoản viện trợ có cấu phần xây dựng thì ngoài thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2002/NĐ-CP thì phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định

a) Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định.

b) Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì thẩm định.

3. Quy trình thẩm định khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

a) Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định trên cơ sở các quy định tại Điều 8 Nghị định 80/2020/NĐ-CP.

b) Lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các cơ quan có liên quan:

Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ tới Sở Tài chính, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành và địa phương có chức năng liên quan ở địa phương để xin ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương,

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan.

c) Thẩm định khoản viện trợ

Tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của khoản viện trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định bằng hình thức tổng hợp ý kiến hoặc tổ chức hội nghị thẩm định. Ý kiến kết luận của Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ.

Trong trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, cơ quan chủ quản thông báo cho bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

d) Đối với viện trợ khắc phục hậu quả, khi phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án, người đứng đầu cơ quan chủ quản không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

đ) Nội dung thẩm định: Theo khoản 5, Điều 10 của Nghị định 80/2020/NĐ-CP.

e) Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 8. Quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ

Nội dung quyết định phê duyệt tiếp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương III
QUẢN LÝ THỰC HIỆN VIỆN TRỢ

Điều 9. Tổ chức quản lý chương trình, dự án

Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ khoản viện trợ

1. Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ định kỳ 06 tháng/lần và hằng năm hoặc đột xuất theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền gửi UBND tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan để theo dõi. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ gửi UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ) chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo trong phạm vi quản lý.

2. Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng và sai phạm thuộc thẩm quyền trong công tác tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án, phi dự án gây thiệt hại về kinh tế, xã hội, môi trường, ảnh hưởng đến mục tiêu và hiệu quả chung của khoản viện trợ.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý chương trình, dự án

1. Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ định kỳ 06 tháng/lần và hằng năm hoặc đột xuất theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền gửi Chủ khoản viện trợ và UBND tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan để theo dõi. Chịu trách nhiệm trước Chủ khoản viện trợ, UBND tỉnh về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo trong phạm vi quản lý.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 12. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án trong quá trình thực hiện

1. Đối với các chương trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi có các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dẫn đến thay đổi các nội dung trong Quyết định phê duyệt khoản viện trợ.

2. Đối với chương trình, dự án không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy chế này:

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp ý kiến, tham mưu UBND tỉnh gửi cơ quan chủ quản khoản viện trợ thực hiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng khi được xin ý kiến.

3. Đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung làm cho chương trình, dự án trở thành một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP thì phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

b) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không thuộc điểm a khoản này thực hiện theo trình tự thẩm định quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

Chương IV
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VIỆN TRỢ

Điều 13. Quản lý tài chính đối với vốn viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Mở tài khoản sử dụng vốn viện trợ

a) Tài khoản vốn đối ứng

- Tài khoản vốn đối ứng sử dụng Ngân sách Nhà nước: Chủ khoản viện trợ mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện việc kiểm soát, thanh toán đối với nguồn vốn đối ứng của khoản viện trợ.

- Tài khoản vốn đối ứng ngoài Ngân sách Nhà nước: Chủ khoản viện trợ mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Tài khoản vốn viện trợ: Chủ khoản viện trợ mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu Ngân sách Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

5. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hiện vật, hàng hóa và dịch vụ

a) Việc tiếp nhận viện trợ bằng hiện vật, hàng hóa, dịch vụ bao gồm khoản viện trợ do bên cung cấp viện trợ trực tiếp thực hiện theo phương thức chìa khóa trao tay thì căn cứ thỏa thuận, văn kiện khoản viện trợ, quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, hồ sơ hàng hóa được chuyển giao quyền sở hữu cho Bên tiếp nhận viện trợ bao gồm vận đơn, hóa đơn, biên bản bàn giao và hồ sơ liên quan khác theo quy định của pháp luật và quy định tại thỏa thuận, văn kiện khoản viện trợ.

b) Đối với khoản viện trợ bằng hiện vật, hàng hóa, dịch vụ do bên cung cấp viện trợ trực tiếp thực hiện hoặc ủy thác cho một đơn vị không phải chủ khoản viện trợ và khoản viện trợ thực hiện theo phương thức chìa khóa trao tay: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm trong việc xác định giá trị hiện vật, hàng hóa, dịch vụ viện trợ của bên cung cấp viện trợ, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Các nội dung khác liên quan tới việc tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ thực hiện theo quy định tại điều 24 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

6. Các nội dung liên quan đến thuế, kiểm toán các khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 14. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ

1. Đối với các khoản viện trợ mà bên tiếp nhận viện trợ là các đơn vị được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động, kinh phí thực hiện được sử dụng trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của các đơn vị theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Trường hợp phát sinh kinh phí lớn để triển khai, bên tiếp nhận viện trợ lập kế hoạch vốn chuẩn bị khoản viện trợ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với khoản chi đầu tư, gửi Sở Tài chính đối với khoản chi thường xuyên tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hằng năm theo quy định.

2. Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước,

bên tiếp nhận viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ.

3. Trường hợp bên cung cấp viện trợ hỗ trợ tài chính để chuẩn bị chương trình, dự án, bên tiếp nhận viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

Điều 15. Giám sát, đánh giá, báo cáo thực hiện khoản viện trợ

1. Chủ khoản viện trợ, Ban Quản lý chương trình, dự án thực hiện thường xuyên và định kỳ cập nhật toàn bộ các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện khoản viện trợ; phân tích, đánh giá quá trình thực hiện một cách toàn diện, kịp thời đưa ra những điều chỉnh cần thiết thuộc thẩm quyền, đảm bảo khoản viện trợ được thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, đạt chất lượng, hiệu quả và đúng cam kết với bên cung cấp viện trợ.

2. Báo cáo thực hiện khoản viện trợ: Chủ khoản viện trợ, Ban quản lý chương trình, dự án thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Quy chế này.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Văn phòng UBND tỉnh

Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, kịp thời trình lãnh đạo UBND tỉnh đối với các đề xuất đã được nêu trong báo cáo của các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Là cơ quan đầu mối, giúp UBND tỉnh trong công tác quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Quy chế này.

b) Chủ trì thẩm định, tham mưu cho UBND tỉnh trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh tham gia ý kiến thẩm định đối với các khoản viện trợ không thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan bố trí vốn đầu tư công cho các khoản viện trợ cần sử dụng vốn đối ứng là vốn đầu tư công.

đ) Là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với với các cơ quan liên quan xây dựng báo cáo về tình hình quản lý và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng định kỳ hoặc đột xuất, báo cáo UBND tỉnh xem xét, ban hành.

e) Giám sát, đánh giá việc tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ do Chủ

tịch UBND tỉnh phê duyệt; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, những vi phạm, báo cáo UBND tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo với Cơ quan chủ quan của khoản viện trợ thực hiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

g) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình, dự án vận động viện trợ phục vụ công tác tác tăng cường hợp tác và xúc tiến, vận động viện trợ phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn; Hướng dẫn Chủ khoản viện thực hiện đúng quy định về quản lý và sử dụng khoản viện trợ theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Quy chế này.

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định danh mục chương trình, dự án thu hút, vận động viện trợ nước ngoài, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Ngoại vụ

a) Tham gia thẩm định và góp ý kiến đối với các khoản viện trợ theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan liên quan quản lý công tác đoàn ra đoàn vào của bên cung cấp viện trợ trước, trong và sau quá trình triển khai thực hiện khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

c) Chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Cao Bằng và các cơ quan liên quan tìm kiếm, vận động các khoản viện trợ và mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Cao Bằng với các cơ quan, tổ chức nước ngoài.

d) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh trong phạm vi thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 58/2022/NĐ-CP.

đ) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Cao Bằng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan kêu gọi cứu trợ khẩu cấp khi có thiên tai hoặc trong trường hợp cấp bách, cần thiết theo chủ trương của tỉnh.

4. Sở Tài chính

a) Tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối bố trí vốn đối ứng thực hiện các chương trình, dự án viện trợ đối với nội dung chi thường xuyên theo quy định.

c) Tổng hợp dự toán đối với khoản chi thường xuyên vào dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh theo quy định, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý tài chính nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng vốn viện trợ của ngân sách địa phương.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định

5. Công an tỉnh

a) Tham gia thẩm định và góp ý kiến đối với các khoản viện trợ theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo về những vấn đề có liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hoặc các vấn đề xâm hại đến lợi ích Nhà nước trong quá trình tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bản tỉnh.

c) Quản lý, hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia giám sát, kiểm tra, đánh giá việc tiếp nhận, quản lý và thực hiện các khoản viện trợ, đặc biệt về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

đ) Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền và đề xuất xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ an ninh quốc phòng khu vực biên giới trên địa bàn tỉnh.

6. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Cao Bằng

Phối hợp với Sở Ngoại vụ kêu gọi cứu trợ khẩn cấp khi có thiên tai hoặc trong trường hợp cấp bách, cần thiết theo chủ trương của tỉnh.

7. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

a) Tham gia thẩm định và góp ý kiến đối với các khoản viện trợ theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, ngành, địa bàn được phân công quản lý.

b) Triển khai thực hiện và chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ theo các quy định hiện hành, thực hiện đúng cam kết với bên cung cấp viện trợ.

c) Hằng năm, chủ động rà soát, cập nhật danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi viện trợ trên cơ sở tình hình kinh tế xã hội, nhu cầu thực tế của ngành, lĩnh vực, địa phương được giao quản lý, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, bổ sung báo cáo UBND tỉnh (nếu có).

d) Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan trong quá trình quản lý đoàn ra đoàn vào liên quan đến việc cung cấp khoản viện trợ. Kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xin ý kiến giải quyết các vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền trong quá trình làm việc với bên cung cấp viện trợ.

đ) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ theo đúng quy định. Không để xảy ra trường hợp đã triển khai thực hiện khoản viện trợ khi chưa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh được triển khai tại tỉnh Cao Bằng theo ngành, lĩnh vực được phân công quản lý, cần kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) trước khi phối hợp thực hiện khoản viện trợ và báo cáo kết quả thực

hiện khoản viện theo quy định tại Quy chế này.

e) Chỉ đạo, bố trí bộ phận chuyên môn, đơn vị trực thuộc có đủ năng lực quản lý và tổ chức triển khai thực hiện khoản viện trợ. Tiến hành xử lý theo thẩm quyền các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong quá trình thực hiện khoản viện trợ; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

g) Báo cáo định kỳ, thường xuyên hoặc đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện các khoản viện trợ gửi UBND tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực và phạm vi quản lý có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, cần chỉnh sửa, bổ sung, làm rõ để phù hợp với tình hình thực tế tại tỉnh Cao Bằng, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định./.